

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 33

Môn: Phần A,I,II. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử

Ngày thi: 01/11/2025

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Anh Ba	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Nông Quốc Huy	7,00	Bảy
2	Lê Nam Bắc	7,25	Bảy phẩy hai năm	42	Đàm Thu Lệ	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Đình Bằng	8,00	Tám	43	Nông Minh Liễu	8,00	Tám
4	Đàm Văn Bình	7,00	Bảy	44	Hoàng Diệu Linh	8,00	Tám
5	Hoàng Hồng Chuyên	7,50	Bảy phẩy năm	45	Lăng Văn Long	7,50	Bảy phẩy năm
6	Bế Ngọc Công	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Nông Văn Long	7,00	Bảy
7	Đình Văn Cường	8,00	Tám	47	Nông Đức Long	7,00	Bảy
8	Lương Thị Đào	7,25	Bảy phẩy hai năm	48	Nông Thị Mây	8,00	Tám
9	Bế Thanh Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	49	Tô Linh Nam	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Đặng Xuân Định	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Đình Thị Thanh Nga	7,50	Bảy phẩy năm
11	Mã Văn Duệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Hà Văn Nghị	7,00	Bảy
12	Nông Thị Mỹ Dung	7,50	Bảy phẩy năm	52	Trương Đại Nghĩa	7,00	Bảy
13	Bạch Thái Dũng	7,00	Bảy	53	Hoàng Văn Nguyễn	7,00	Bảy
14	Nguyễn Tiến Dũng	7,00	Bảy	54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8,00	Tám
15	Hà Ngọc Dương	8,00	Tám	55	Nông Thị Minh Nguyệt	7,50	Bảy phẩy năm
16	Phạm Thị Giang	8,25	Tám phẩy hai năm	56	Bế Văn Nhân	8,00	Tám
17	Trần Nguyên Giáp	8,25	Tám phẩy hai năm	57	Nông Thị Hồng Nhung	8,00	Tám
18	Ma Thị Hải	8,00	Tám	58	Dương Thanh Phong	7,00	Bảy
19	Nông Ngọc Hải	7,00	Bảy	59	Hà Minh Quyết	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Hành	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lâm Thị Quỳnh	7,50	Bảy phẩy năm
21	Hoàng Quang Hậu	7,00	Bảy	61	Bản Tồn Sao	7,00	Bảy
22	Vũ Thị Thu Hiền	8,00	Tám	62	Đình Thị Hồng Sợi	7,00	Bảy

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Quốc Thị Thanh Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	63	Nông Đức Tài	7,00	Bảy
24	Nông Thị Hòa	8,00	Tám	64	Nông Hồng Thắm	7,00	Bảy
25	Lục Xuân Hòa	8,00	Tám	65	Phan Văn Thành	7,00	Bảy
26	Thắm Đức Hoàng	7,00	Bảy	66	Phan Thiêm	7,00	Bảy
27	Nông Duy Hoàng	8,00	Tám	67	Lê Thị Xuân Thương	8,00	Tám
28	Hoàng Doãn Hoạt	8,00	Tám	68	Đàm Thị Thanh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
29	Hoàng Văn Hội	7,50	Bảy phẩy năm	69	Lê Minh Thụy	7,50	Bảy phẩy năm
30	Lê Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	70	Lương Thị Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Hoàng Văn Huân	8,00	Tám	71	Phan Minh Trang	8,00	Tám
32	Đình Văn Hùng	8,00	Tám	72	Nông Thu Trang	7,50	Bảy phẩy năm
33	Trần Văn Hùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Đình Kiều Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
34	Bê Văn Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	74	Lê Kim Trường	8,00	Tám
35	Hoàng Việt Hưng	7,25	Bảy phẩy hai năm	75	Hồ Anh Tuấn	8,00	Tám
36	Hoàng Quốc Hưng	7,00	Bảy	76	Hứa Thanh Tùng	8,00	Tám
37	Phan Tuấn Hưng	8,00	Tám	77	Nông Thanh Tuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
38	Nông Hồng Hương	7,00	Bảy	78	Đoàn Thị Tuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
39	Trương Ngọc Hữu	7,50	Bảy phẩy năm	79	Đoàn Thanh Tuyền	7,00	Bảy
40	Lý Văn Huy	7,00	Bảy	80	Trịnh Thị Thanh Tuyền	7,25	Bảy phẩy hai năm

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thủy

Trịnh Thị Ánh Hoa